TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn;
2. Ông Nguyễn Chí Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Diễm C, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: 330, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Đồng Thanh T1, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: ấp L, xã T2, huyện B, tỉnh Bến Tre.
(Chị C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm C trình bày:

Chị Huỳnh Thị Diễm C và anh Đồng Thanh T1 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2020. Chị Châu, anh Tú đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh T2. Sau khi cưới, vợ chồng chị C sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh T1 hay bạo lực với chị. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị C đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả. Từ tháng 01 năm 2022, chị C, anh T1 ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau

không ai biết đến ai. Nay, chị C xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung là Huỳnh Tấn L1, sinh ngày 18/10/2018. Hiện nay, cháu L1 đang sống với anh T1. Khi ly hôn, chị C đồng ý cho anh T1 được tiếp tục nuôi cháu L1. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị C bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh T1 vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2023, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Diễm C.

Về con chung: anh Đồng Thanh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu là Huỳnh Tấn L1, sinh ngày 18/10/2018. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* ngày 06/3/2023, chị Huỳnh Thị Diễm C khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Thanh T1. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị C, anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị C:*

Chị C, anh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/8/2020. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị C sống hạnh

phúc đến tháng 01 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh T1 hay bạo lực với chị. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị C đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả. Chị C, anh T1 ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Theo chị C, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay, tình hình của vợ chồng chị không có cải thiện; nguyên nhân mâu thuẫn chưa được tháo gỡ; chị C, anh T1 vẫn còn ly thân. Đối với anh T1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh T1 không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị C nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh T1, chị C có 01 con chung là Huỳnh Tấn L1, sinh ngày 18/10/2018. Hiện nay, cháu L1 đang sống với anh T1. Khi ly hôn, chị C đồng ý cho anh T1 được tiếp tục nuôi cháu L1. Đối với yêu cầu này của chị C, anh T1 vắng mặt nên không có lời trình bày. Xét thấy, cháu L1 hiện đang sống với anh T1 đã ổn định. Thời gian cháu L1 sống với anh T1, anh T1 lo cho cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu. Chị C cũng đồng ý cho anh T1 được tiếp tục nuôi cháu L1 nên ghi nhận. Cần giao cháu L1 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị C không cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 vắng mặt không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết anh T1 có quyền yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị C không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Diễm C xin ly hôn đối với anh Đồng Thanh T1;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Diễm C với anh Đồng Thanh T1.

* Về nuôi con chung: giao cháu Huỳnh Tấn L1, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Đồng Thanh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Diễm C không cấp dưỡng nuôi con cho anh Đồng Thanh T1.

Chị Huỳnh Thị Diễm C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con. Anh T1 có quyền yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Huỳnh Thị Diễm C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Huỳnh Thị Diễm C không yêu cầu anh Đồng Thanh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Huỳnh Thị Diễm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002446 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung